

1. MA TRẬN ĐỀ

- [illegible]

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------------------|-----------|---|-----|---|---|-----------------|-------------|-----|---|---|-----|---|---|-----|-----|-----|------|----|
| 5 | Di truyền | Bài 38. Quy luật di truyền của Mendel | 2 | | | | | | | | | 1 | | 2 | 1 | | 1,5 | |
| | | Bài 39. Di truyền liên kết và cơ chế xác định giới tính | 2 | | | 2 ý2a, 2b | 2 ý2c,2d | | | | | | | 4 | 2 | | 1,5 | |
| | | Bài 40. Di truyền học người | | | | | | 1 | | | | | | 1 | | | 0,5 | |
| Tổng số câu/lệnh hỏi | | | 6 | 2 | 4 | 4 | 4 | | 3 | 1 | | | 1 | 2 | 13 | 8 | 6 | 27 |
| Tổng số điểm | | | 3,0 | | | 2,0 | | 2,0 | | | 3,0 | | | 4,0 | 3,0 | 3,0 | 10 | |
| Tỷ lệ % | | | 30 | | | 20 | | 20 | | | 30 | | | 40 | 30 | 30 | 100% | |

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ:

| TT | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|------|---------------|---|--|----------------------------------|----------|------|--------------|----------|------|--------------|----------|--|---------|--|--|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | Nhiều lựa chọn | | | “Đúng – Sai” | | | Trả lời ngắn | | | | | |
| Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | | | | |
| 1 | Ánh sáng | Bài 6. Sự tạo ảnh qua thấu kính. Kính lúp | <p>*Biết:</p> <p>- Nêu được các đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ.</p> <p>- Nêu được các đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kì.</p> <p>* Hiểu:</p> <p>- Mô tả được cấu tạo và sử dụng được kính lúp.</p> <p>- Giải thích được đặc</p> | | 2 | 2 | | | | | | | | | |

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--|------------------------------|--|--|--|--|-----------------|--|--|--|--|--|--|--|---|
| | te-Protein - Polymer | <p>khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(R-COO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo.</p> <p>– Trình bày được tính chất vật lí của chất béo (trạng thái, tính tan).</p> <p>– Nêu được vai trò của lipid tham gia vào cấu tạo tế bào và tích lũy năng lượng trong cơ thể.</p> <p>- Trình bày được ứng dụng của chất béo.</p> <p>* Hiểu</p> <p>-Trình bày được tính chất hoá học (phản ứng xà phòng hoá), viết được phương trình hoá học xảy ra.</p> <p>*Vận dụng</p> <p>-Đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khoẻ mạnh, tránh được bệnh béo phì.</p> | | | | | | | | | | | | |
| | Bài 26.Glucose và saccharose | <p>* Biết</p> <p>– Nêu được thành phần nguyên tố, công thức chung của carbohydrate.</p> <p>– Nêu được công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi, vị, tính tan, khối lượng riêng) của glucose và saccharose.</p> <p>– Trình bày được vai trò và</p> | | | | 2 ý1a, 1b | | | | | | | | 1 |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--|-------------------------------|---|---|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|--|
| | | <p>ứng dụng của glucose (chất dinh dưỡng quan trọng của người và động vật) và của saccharose (nguyên liệu quan trọng trong công nghiệp thực phẩm).</p> <p>* Hiểu</p> <p>– *Trình bày được tính chất hoá học của glucose (phản ứng tráng bạc, phản ứng lên men rượu), của saccharose (phản ứng thủy phân có xúc tác axit hoặc enzyme), viết được các phương trình hoá học xảy ra dưới dạng công thức phân tử.</p> <p>– Tiến hành được thí nghiệm (hoặc quan sát thí nghiệm) phản ứng tráng bạc của glucose.</p> <p>*Vận dụng</p> <p>- Nhận biết được các loại thực phẩm giàu saccharose và hoa quả giàu glucose.</p> <p>- Ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng hợp lí saccharose.</p> | | | | | | | | | | | | |
| | Bài 27. Tinh bột và cellulose | <p>* Biết</p> <p>– Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và cellulose.</p> <p>– Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh.</p> <p>* Hiểu</p> <p>-Trình bày được ứng dụng</p> | 1 | | | | | | 1 | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|--|--------------------|---|--|--|--|--|--|--|---|--|--|--|--|
| | | <p>của tinh bột và cellulose trong đời sống và sản xuất, sự tạo thành tinh bột, cellulose và vai trò của chúng trong cây xanh.</p> <p>– Trình bày được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozo): phản ứng thuỷ phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine (iot), viết được các phương trình hoá học của phản ứng thuỷ phân dưới dạng công thức phân tử.</p> <p>– Tiến hành được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm phản ứng thuỷ phân; phản ứng màu với iodine; nêu được hiện tượng thí nghiệm, nhận xét và rút ra kết luận về tính chất hoá học của tinh bột và cellulose (xenlulozo).</p> <p>* Vận dụng</p> <p>-Nhận biết được các loại lương thực, thực phẩm giàu tinh bột và biết cách sử dụng hợp lí tinh bột.</p> | | | | | | | | | | | |
| | Bài 28. Protein | <p>* Biết</p> <p>– Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử (do nhiều amino acid tạo nên, liên kết peptit) và khối lượng phân tử của protein.</p> <p>– Trình bày được vai trò của protein đối với cơ thể con người.</p> <p>* Hiểu</p> | | | | | | | 1 | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|--|--|-----------------|-----------------|---|--|--|--|--|--|
| | | | giảm về quá trình giảm phân và thụ tinh. - Dựa vào công thức lai 2 cặp tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, phát biểu được quy luật phân li độc lập và tổ hợp tự do, giải thích được kết quả thí nghiệm theo Mendel. | | | | | | | | | | | |
| | | Bài 39. Di truyền liên kết và cơ chế xác định giới tính | <p>*Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ chế xác định giới tính. Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính. <p>* Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ phép lai trình bày được khái niệm di truyền liên kết và phân biệt với quy luật phân li độc lập - Nêu được một số ứng dụng di truyền liên kết trong thực tiễn. | 2 | | | 2 ý2a, 2b | 2 Ý2c, 2d | | | | | | |
| | | Bài 40. Di truyền học người | <p>* Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số ví dụ về tính trạng ở người. - Nêu được khái niệm về bệnh và tật di truyền ở người. - Trình bày được một số tác nhân gây bệnh di truyền. - Kể tên được một số hội chứng, bệnh và tật di truyền ở người. - Nêu được vai trò của di truyền học với hôn nhân. - Nêu được ý nghĩa của việc | | | | | | 1 | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------------|--|--|---|-----|---|---|-----|---|--|-----|---|--|-----|---|---|
| | | | <p>cầm kết hôn gần huyết thống.</p> <p>* Hiệu:</p> <p>– Trình bày được quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người.</p> <p>* Vận dụng</p> <p>-Tìm hiểu được một số bệnh di truyền ở địa phương.</p> <p>-Tìm hiểu được tuổi kết hôn ở địa phương.</p> | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số câu | | | | 6 | 2 | 4 | 4 | 4 | | 3 | 1 | | | 1 | 2 |
| Tổng số điểm | | | | 3,0 | | | 2,0 | | | 2,0 | | | 3,0 | | |
| Tỷ lệ % | | | | 30 | | | 20 | | | 20 | | | 30 | | |